

Số: **2604**/BKHDĐT-TCTKHà Nội, ngày **20** tháng 4 năm 2022

V/v xây dựng Kế hoạch thực hiện  
Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam  
giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến  
năm 2045

Kính gửi:

- Các Bộ, Cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Theo Quyết định số 2014/QĐ-TTg ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045, Bộ Kế hoạch và Đầu tư được giao nhiệm vụ xây dựng Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 cấp quốc gia (sau đây viết gọn là Kế hoạch thực hiện Chiến lược) và các Bộ, Cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng Kế hoạch thực hiện Chiến lược của đơn vị mình.

Nhằm xây dựng Kế hoạch thực hiện Chiến lược cấp quốc gia và Kế hoạch thực hiện Chiến lược của Quý Cơ quan đảm bảo bao phủ đầy đủ các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu được quy định trong Quyết định số 2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và gắn liền với thực tiễn công tác thống kê trong hệ thống thống kê nhà nước, đảm bảo Chiến lược được triển khai đồng bộ, đạt được các mục tiêu đề ra, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng các mẫu Kế hoạch thực hiện Chiến lược:

- Mẫu số 01/QG: Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 cấp quốc gia;

- Mẫu số 02/BN: Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 của Bộ, cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao;

- Mẫu số 03/ĐP: Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã dự thảo Hướng dẫn xây dựng Kế hoạch thực hiện Chiến lược (phụ lục 1 kèm theo) để hướng dẫn Quý Cơ quan xây dựng dự thảo Kế hoạch thực hiện Chiến lược (mẫu số 02/BN hoặc mẫu số 03/ĐP).


Để hoàn thiện dự thảo Kế hoạch thực hiện Chiến lược cấp quốc gia (mẫu số 01/QG), Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị Quý Cơ quan:

- Phân công đơn vị chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư để xây dựng Kế hoạch thực hiện Chiến lược của đơn vị. Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẽ làm việc với Quý Cơ quan trong khoảng thời gian từ ngày 20-30/4/2022 để hướng dẫn xây dựng Kế hoạch thực hiện Chiến lược;

- Nghiên cứu mẫu số 01/QG và Hướng dẫn xây dựng Kế hoạch thực hiện Chiến lược để phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư hoàn thiện mẫu số 02/BN hoặc mẫu số 03/ĐP<sup>1</sup> và gửi bản cứng về Bộ Kế hoạch và Đầu tư, bản mềm gửi tới hộp thư điện tử: [vienkhoahoc@gso.gov.vn](mailto:vienkhoahoc@gso.gov.vn) trước ngày 15/5/2022.

Trên cơ sở dự thảo Kế hoạch thực hiện Chiến lược của Quý Cơ quan, Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẽ hoàn thiện và ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược cấp quốc gia. Sau khi Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược cấp quốc gia, kính đề nghị Quý Cơ quan hoàn thiện và ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược của đơn vị.

Trong quá trình nghiên cứu, xây dựng Kế hoạch thực hiện Chiến lược, nếu Quý Cơ quan có thắc mắc hoặc cần hỗ trợ, đề nghị liên hệ trực tiếp với Bà Hoàng Thu Hiền, Phó Viện trưởng Viện Khoa học Thống kê, Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, số điện thoại: 024 38350708 hoặc 0982392158.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư cảm ơn sự hợp tác của Quý cơ quan. 

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, TCTK<sub>T4</sub>

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



*Trần Quốc Phương*

<sup>1</sup> Để lấy bản mềm tài liệu đề nghị truy cập website Viện Khoa học Thống kê tại địa chỉ : <http://vienthongke.vn/huong-dan-xay-dung-ke-hoach-thuc-hien-cltk21-30/>

## Phụ lục 1:

# HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN THỐNG KÊ VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045 (Kèm theo Công văn số 2604/BKHĐT-TCTK ngày 20 tháng 4 năm 2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

## I. Mục đích

Nhằm hướng dẫn các Bộ, Cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng Kế hoạch thực hiện Chiến lược để triển khai đầy đủ, thống nhất các giải pháp, nhiệm vụ cụ thể được quy định trong Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

## II. Các mẫu Kế hoạch thực hiện Chiến lược

- Mẫu số 01/QG: Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 cấp quốc gia;

- Mẫu số 02/BN: Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 của Bộ, cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao;

- Mẫu số 03/ĐP: Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

## III. Kết cấu của Kế hoạch thực hiện Chiến lược

Mẫu số 02/BN và mẫu số 03/ĐP có kết cấu giống nhau gồm 2 phần lớn.

Phần 1 ứng với mục I gồm các nội dung công việc để thực hiện các nhóm nhiệm vụ và giải pháp được quy định trong Chiến lược.

Phần 2 ứng với mục II gồm các nội dung công việc để triển khai, theo dõi, đánh giá, sơ kết và tổng kết Chiến lược.

Trong mỗi phần, các nội dung công việc có thể được chia thành nhiều cấp (từ cấp 1 đến cấp 6).

Các nội dung công việc trong phần 2 được quy định giống nhau trong mẫu số 02/BN, mẫu số 03/ĐP và do Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định.

## IV. Cách xây dựng Kế hoạch thực hiện Chiến lược

### 1. Căn cứ xây dựng Kế hoạch thực hiện Chiến lược

- Căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp cụ thể quy định trong Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Căn cứ vào mẫu số 01/QG.

## 2. Xây dựng Kế hoạch thực hiện chiến lược

Cách xây dựng mẫu số 02/BN và mẫu số 03/ĐP như sau:

### 2.1. Cột A: Số thứ tự và cột C: Mã số

Cột A và cột C được quy định theo nguyên tắc

Cột A: STT	Cột C: Mã số	Quy ước cấp công việc chi tiết
I		
1	01	Cấp 1
1.1	011	Cấp 2
1.1.1	0111	Cấp 3
1.1.1.1	01111	Cấp 4
....		
2	02	Cấp 1
2.1	021	Cấp 2
2.1.1	0211	Cấp 3
2.1.1.1	02111	Cấp 4
....		
10	10	Cấp 1
10.1	101	Cấp 2
10.1.1	1011	Cấp 3
.....		

Số thứ tự và mã số được quy định theo nguyên tắc:

Mục số la mã: Có mục I và Mục II: Không đánh mã số

Mục 1, mục 2 được đánh mã số là tương ứng là 01 và 02; được quy ước là nội dung công việc cấp 1 (cấp cao nhất).

Nội dung công việc cấp 1 có thể được chi tiết đến cấp 6. Nguyên tắc đánh mã số của nội dung công việc theo bảng trên.

## 2.2. Cột B: Nội dung công việc

### 2.2.1. Nguyên tắc xác định các công việc chi tiết

- Giữ nguyên các công việc cấp 1 và cấp 2 tại mẫu số 01/QG, tùy vào thực tế triển khai Chiến lược tại đơn vị, Quý Cơ quan căn cứ vào nội dung công việc cấp cao hơn tại mẫu số 01/QG để xây dựng nội dung công việc chi tiết từ cấp 3 trở đi. Nội dung công việc có thể chi tiết tới cấp 4 cấp 5, cấp 6 (tùy thuộc vào tính chất công việc);

- Đối với các công việc có chu kỳ lặp lại thì liệt kê công việc theo từng chu kỳ (ghi tên theo chu kỳ hoặc bổ sung ví dụ như: lần 1, lần 2..);

- Công việc nào thuộc diện ưu tiên thì ghi trước.

### 2.2.2. Cách xác định các công việc chi tiết từ cấp 3 trở đi

Để xác định nội dung công việc cấp 3 trở đi, Quý Cơ quan cần hiểu rõ nội hàm của nội dung công việc cấp trên trực tiếp của nó. Từ đó, xác định nội dung các công việc chi tiết, thời gian thực hiện và sản phẩm của các công việc này.

Một số ví dụ cụ thể:

**Ví dụ 1:** Các nội dung công việc cấp chi tiết của mục 1.3.1. Thu hút, trọng dụng nhân lực trình độ cao, chuyên nghiệp (*cho công tác thống kê*) (công việc cấp 3) có thể gồm các công việc cấp 4 sau:

- Xây dựng tiêu chí, tiêu chuẩn nhân lực chất lượng cao;
- Xây dựng kế hoạch tuyển dụng, tiếp nhận nhân lực chất lượng cao;
- Nghiên cứu cơ chế, chính sách đãi ngộ đối với nguồn nhân lực chất lượng cao theo quy định của nhà nước.

**Ví dụ 2:** Các nội dung công việc cấp chi tiết của mục 1.4.4. Xây dựng văn hóa học tập thường xuyên, liên tục trong hệ thống thống kê (công việc cấp 3) có thể gồm các công việc cấp 4 là các hình thức khuyến khích học tập đa dạng, phong phú nâng cao chất lượng công chức, viên chức trong hệ thống thống kê

**Ví dụ 3:** Các nội dung công việc cấp chi tiết của mục 1.4.5. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho những người làm công tác thống kê tại Bộ, ngành và địa phương (công việc cấp 3) có thể gồm các công việc cấp 4 sau:

- Rà soát, tổng hợp thực trạng nguồn nhân lực tại Bộ, ngành và địa phương;
- Xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm, 5 năm;
- Tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch;
- Cử công chức, viên chức tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ thống kê do Tổng cục Thống kê tổ chức.

**Ví dụ 4:** Các nội dung công việc cấp chi tiết của mục 3.1.1. Tăng cường áp dụng phương pháp luận tiên tiến, hiện đại; đa dạng hóa hình thức và ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong hoạt động thu thập, xử lý dữ liệu thống kê (công việc cấp 3) có thể gồm các công việc cấp 4 sau:

- Đa dạng hoá hình thức thu thập thông tin thống kê (Ứng dụng thu thập bằng phiếu điện tử trực tuyến (webform); Ứng dụng thu thập bằng phiếu điện tử trên thiết bị di động (CAPI); Ứng dụng thu thập thông tin theo hình thức phỏng vấn qua điện thoại với sự trợ giúp của máy tính (CATI));

- Giám sát thu thập dữ liệu thống kê trực tuyến;

- Ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại trong xử lý thống kê: xử lý dữ liệu điều tra trực tuyến; phân tích dữ liệu bằng các phần mềm thống kê hiện đại.

**Ví dụ 5:** Các nội dung công việc cấp chi tiết của mục 3.1.2. Ưu tiên sử dụng dữ liệu hành chính, dữ liệu sẵn có của các cơ quan quản lý nhà nước cho hoạt động thống kê (công việc cấp 3) có thể gồm các công việc cấp 4 sau:

- Sử dụng dữ liệu hành chính về con người;
- Sử dụng dữ liệu hành chính về đất đai;
- Sử dụng dữ liệu hành chính về cơ sở kinh tế;
- Sử dụng dữ liệu hành chính về thuế;
- Sử dụng dữ liệu hành chính về hải quan;
- Sử dụng dữ liệu hành chính về bảo hiểm.

**Ví dụ 6:** Các nội dung công việc cấp chi tiết của mục 3.1.3. Tích hợp các cuộc điều tra và ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong tất cả các bước của quy trình điều tra (công việc cấp 3) có thể gồm các công việc cấp 4 sau:

- Tích hợp các cuộc điều tra có cùng lĩnh vực và đối tượng (Tích hợp các cuộc điều tra với đối tượng điều tra là hộ gia đình; Tích hợp các cuộc điều tra với đối tượng điều tra là doanh nghiệp; Tích hợp các cuộc điều tra với đối tượng điều tra là cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể; Tích hợp các cuộc điều tra với đối tượng điều tra là hộ nông, lâm, thủy sản...);

- Tin học hóa toàn bộ quy trình điều tra thống kê;

- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông minh (AI) hỗ trợ đối tượng cung cấp thông tin (Nghiên cứu ứng dụng công nghệ Chatbot; Nghiên cứu ứng dụng công nghệ Voicebot; Nghiên cứu ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo trong đánh mã phân loại thống kê...).

**Ví dụ 7:** Các nội dung công việc cấp chi tiết của mục 3.1.4. Ứng dụng khoa học thống kê, khoa học dữ liệu để khai thác nguồn dữ liệu lớn, dữ liệu mới cho hoạt động thống kê (công việc cấp 3) có thể gồm các công việc cấp 4 sau:

- Nghiên cứu áp dụng công nghệ khai thác dữ liệu lớn để biên soạn chỉ số giá tiêu dùng (CPI), chỉ số giá bất động sản; chỉ tiêu thống kê di cư nội địa từ nguồn dữ liệu điện thoại di động...

- Nghiên cứu các giải pháp sử dụng dữ liệu mở của cơ quan nhà nước phục vụ công tác thống kê.

**Ví dụ 8:** Các nội dung công việc cấp chi tiết của mục 3.2.1. Quản trị dữ liệu theo hướng tập trung và mở (công việc cấp 3) có thể gồm các công việc cấp 4 sau:

- Nghiên cứu và ứng dụng mô hình, công nghệ quản trị dữ liệu tập trung;
- Rà soát, đánh giá và xác định danh mục dữ liệu mở phục vụ công tác thống kê.

**Ví dụ 9:** Các nội dung công việc cấp chi tiết của mục 3.2.2. Xây dựng Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia (công việc cấp 3) có thể gồm các công việc cấp 4 sau:

- Khảo sát, đánh giá thực trạng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác thống kê tại bộ, ngành và địa phương;
- Đánh giá, xác định phạm vi, nội dung dữ liệu quản lý tập trung trong hệ thống thống kê nhà nước;
- Xây dựng nội dung Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia;
- Xây dựng kế hoạch triển khai Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia.

**Ví dụ 10:** Các nội dung công việc cấp chi tiết của mục 4.1.1 Đổi mới và hiện đại hóa phương pháp xác định nhu cầu sử dụng thông tin thống kê (công việc cấp 3) có thể gồm các công việc cấp 4 sau:

- Thiết kế câu hỏi để người dùng tin trả lời trực tiếp truy cập vào trang thông tin điện tử (trả lời xong mới được quyền truy cập tiếp để khai thác thông tin); Rà soát lại phiếu điều tra, bổ sung hoặc loại câu hỏi không phù hợp.
- Nghiên cứu về Big data để tìm hiểu nhu cầu của người dùng tin về một lĩnh vực cụ thể: Nghiên cứu phương pháp luận, các công nghệ dữ liệu đặc biệt cho Big data như hệ sinh thái hadoop (phát triển mã nguồn mở cho máy tính, apache spark để tính toán cụm nguồn mở làm công cụ xử lý Big data, cơ sở dữ liệu trong bộ nhớ, cơ sở dữ liệu lưu trữ big data);
- Nghiên cứu kỹ năng về Big data và mở các lớp đào tạo về Big data.

**Ví dụ 11:** Các nội dung công việc cấp chi tiết của mục 4.2.1. Nghiên cứu khung lý thuyết, mô hình, phương pháp, công cụ phân tích và dự báo thống kê tiên tiến, hiện đại (công việc cấp 3) có thể gồm các công việc cấp 4 sau:

- Nghiên cứu tài liệu quốc tế về Khung lý thuyết, phương pháp, công cụ, mô hình phân tích;
- Tổ chức các lớp đào tạo nâng cao kỹ năng phân tích thống kê; ứng dụng các mô hình phân tích, sử dụng công cụ, phần mềm tiên tiến hiện đại vào phân tích thống kê, ví dụ như phần mềm STATA, phần mềm R; bảng cân đối liên ngành IO...

**Ví dụ 12:** Các nội dung công việc cấp chi tiết của mục 4.2.2. Áp dụng khung lý thuyết, mô hình, phương pháp, công cụ phân tích và dự báo thống kê tiên tiến, hiện đại (công việc cấp 3) có thể gồm các công việc cấp 4 sau:

- Lựa chọn cơ sở dữ liệu vi mô phù hợp với mục đích phân tích và dự báo;

- Xây dựng đề cương chuyên đề phân tích dự báo theo phương pháp lựa chọn, áp dụng mô hình, phương pháp phân tích đã nghiên cứu vào chuyên đề xác định.

**Ví dụ 13:** Các nội dung công việc cấp chi tiết của mục 4.3.1. Đổi mới nội dung biên soạn thông tin thống kê (công việc cấp 3) có thể gồm các công việc cấp 4 sau:

- Rà soát Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, rà soát lại các chỉ tiêu được biên soạn trong báo cáo kinh tế - xã hội tháng, quý, năm;

- Tăng cường việc biên soạn các chỉ tiêu về vùng kinh tế - xã hội, vùng kinh tế trọng điểm, các chỉ tiêu kinh tế số, logistic trong các báo cáo kinh tế - xã hội tháng, quý, năm; các ấn phẩm chuyên đề thông tin thống kê.

**Ví dụ 14:** Các nội dung công việc cấp chi tiết của mục 4.3.2. Đổi mới hình thức và ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại vào hoạt động biên soạn thông tin thống kê (công việc cấp 3) có thể gồm các công việc cấp 4 sau:

- Xây dựng và chuẩn hóa maket của từng lĩnh vực kinh tế, xã hội để cung cấp thông tin đầu vào nhằm điện tử hóa maket;

- Nhập số liệu vào phần mềm, kiểm tra số liệu logic, cảnh báo các lỗi...

**Ví dụ 15:** Các nội dung công việc cấp chi tiết của mục 4.4.1. Đa dạng hóa hình thức, nội dung công bố, cung cấp và phổ biến thông tin thống kê (công việc cấp 3) có thể gồm các công việc cấp 4 sau:

- Sử dụng mạng xã hội, đài, báo, tạp chí, trang web của các Bộ, ngành để phổ biến thông tin thống kê;

- Biên soạn infographic, bảng, biểu đồ thị phù hợp với số liệu nhiều năm, thay thế cho nội dung thông tin thống kê cần phổ biến;

- Bổ sung thêm thông tin về vùng kinh tế - xã hội, vùng kinh tế trọng điểm để đa dạng nội dung phổ biến thông tin thống kê

**Ví dụ 16:** Các nội dung công việc cấp chi tiết của mục 9.1. Đảm bảo kinh phí thực hiện CLTK21-30 (công việc cấp 2) có thể gồm các công việc cấp 4 sau:

- Xây dựng dự toán và phân bổ kinh phí đối với từng hoạt động của Kế hoạch thực hiện Chiến lược hàng năm;

- Huy động nguồn vốn hợp pháp các từ các tổ chức quốc tế hỗ trợ cho hoạt động thống kê nhà nước theo Kế hoạch thực hiện Chiến lược;

- Phân bổ kinh phí huy động được từ nguồn vốn hợp pháp khác cho các hoạt động trong Kế hoạch thực hiện Chiến lược.

**Ví dụ 17:** Các nội dung công việc cấp chi tiết của mục 9.3 Xây dựng trung tâm dữ liệu thống kê tập trung từ nguồn vốn đầu tư công (công việc cấp 2) có thể gồm các công việc cấp 4 sau:



- Xây dựng dự toán kinh phí hàng năm cho từng hoạt động hoặc nội dung của Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Phân bổ kinh phí hàng năm để thực hiện các hoạt động hoặc nội dung của Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia

**Ví dụ 18:** Các nội dung công việc cấp chi tiết của mục 9.4. Hiện đại hóa cơ sở vật chất, phương tiện và trang thiết bị phục vụ công tác quản lý nhà nước về thống kê (công việc cấp 2) có thể gồm các công việc cấp 4 sau:

- Xây dựng dự toán kinh phí hàng năm cho từng hoạt động hoặc nội dung của Đề án tăng cường năng lực thống kê quốc gia;

- Xây dựng kế hoạch mua sắm phương tiện và trang thiết bị làm việc cho hệ thống thống kê tập trung;

- Phân bổ kinh phí hàng năm để thực hiện các hoạt động hoặc nội dung của Đề án tăng cường năng lực thống kê quốc gia.

### 2.3. Cột D: Cơ quan chủ trì

- Ghi tên các đơn vị thuộc Bộ, ngành được giao chủ trì công việc (đối với mẫu số 02/BN).

- Ghi tên các Sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được giao chủ trì công việc (đối với mẫu số 03/ĐP).

### 2.4. Cột E: Cơ quan phối hợp

Ghi tên các đơn vị thuộc Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh hoặc tên Bộ, ngành khác mà đơn vị chủ trì cần phối hợp để thực hiện công việc.

### 2.5. Cột F: Thời gian bắt đầu (cần ghi đến công việc cấp nhỏ nhất)

- Đối với giai đoạn 2021-2025: Ghi tháng/năm bắt đầu thực hiện đối với các công việc (ở cấp thấp nhất) có thời gian bắt đầu từ năm 2021 hoặc đã được triển khai trước năm 2021 nhưng vẫn đang tiếp tục thực hiện;

- Đối với giai đoạn 2026-2030: Ghi năm bắt đầu thực hiện

### 2.6. Cột G: Thời gian kết thúc (cần ghi đến công việc cấp nhỏ nhất)

- Đối với giai đoạn 2021-2025: Ghi tháng/năm hoàn thành công việc (bao gồm cả các công việc đã hoàn thành trong năm 2021);

- Đối với giai đoạn 2026-2030: Ghi năm hoàn thành công việc;

- Đối với các công việc thường xuyên, thời gian bắt đầu và kết thúc ghi là Hàng năm.

**2.7. Cột H: Sản phẩm:** Ghi cụ thể sản phẩm của các công việc chi tiết. Ví dụ: Quyết định, thông tư, quy chế, số lớp đào tạo, số lượt học viên, số lượng đề tài nghiên cứu,...

Mẫu số 01/QG

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ



**Kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển thống kê Việt Nam  
giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045**

(Kèm theo Công văn số 2604/BKHĐT-TCTK ngày 20 tháng 4 năm 2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
<b>I</b>	<b>CÁC NHÓM NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP</b>						
<b>1</b>	<b>Hoàn thiện thể chế, đổi mới mô hình tổ chức, phát triển nguồn nhân lực</b>	<b>01</b>					
1.1	Hoàn thiện thể chế	011					
1.1.1	Sửa đổi Luật Thống kê số 89/2015/QH13 và Luật số 01/2021/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê	0111	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành[1]; UBND cấp tỉnh[2]	2027	2030	Luật Thống kê sửa đổi, bổ sung được thông qua
1.1.2	Xây dựng, sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Thống kê số 89/2015/QH13 và Luật số 01/2021/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê	0112	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh		2022	Các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến Luật Thống kê được xây dựng, sửa đổi và ban hành
1.1.2.1	Xây dựng Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước (GDP), tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (GRDP)	01121	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh		6/2022	Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước (GDP), tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (GRDP)



STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.1.2.2	Xây dựng Nghị định quy định chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia	01122	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh		6/2022	Nghị định quy định Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia
1.1.2.3	Xây dựng Quyết định ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	01123	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh		6/2022	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã
1.1.2.4	Xây dựng Quyết định ban hành Chương trình điều tra thống kê quốc gia	01124	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh		6/2022	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định Chương trình điều tra thống kê quốc gia
1.1.2.5	Xây dựng Thông tư quy định chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với các Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	01125	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh		12/2022	Thông tư quy định chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với các Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
1.1.2.6	Xây dựng, hoàn thiện các hệ thống chỉ tiêu thống kê bộ, ngành	01126	Bộ, ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	2025	Thông tư Hệ thống chỉ tiêu thống kê của các bộ, ngành được ban hành và đưa vào áp dụng
1.1.2.7	Xây dựng, hoàn thiện các bộ chỉ tiêu thống kê khác	01127	Bộ, ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	2030	Thông tư của Bộ trưởng/Thủ tướng cơ quan ngang Bộ được ban hành
1.1.2.8	Triển khai áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Thống kê số 89/2015/QH13 và Luật số 01/2021/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê	01128	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	2030	Các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Thống kê số 89/2015/QH13 và Luật số 01/2021/QH15 được triển khai, áp dụng thống nhất

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.2	Đổi mới và hoàn thiện mô hình tổ chức	012					
1.2.1	Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg	0121	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ Nội vụ		2022	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg
1.2.2	Kiện toàn mô hình tổ chức theo Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg	0122	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2022	2025	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định phê duyệt kế hoạch sắp xếp các đơn vị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Quyết định của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê sửa đổi, bổ sung các Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các đơn vị;</li> <li>- Công văn hướng dẫn các đơn vị xây dựng Đề án kiện toàn nhân sự lãnh đạo, công chức, viên chức cấp phòng.</li> </ul>
1.3	Phát triển nguồn nhân lực	013					
1.3.1	Thu hút, trọng dụng nhân lực trình độ cao, chuyên nghiệp	0131	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh			Hàng năm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành tiêu chí, tiêu chuẩn nhân lực chất lượng cao;</li> <li>- Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành kế hoạch tuyển dụng, tiếp nhận nhân lực chất lượng cao.</li> </ul>

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.3.2	Tăng cường huy động và sử dụng các chuyên gia, nhà khoa học về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin	0132	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh			Hàng năm	Chính sách, chế độ huy động và sử dụng các chuyên gia, nhà khoa học về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin; Số lượng chuyên gia nhà khoa học về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin được huy động từ bên ngoài tham gia vào các hoạt động thống kê
1.3.3	Ưu tiên sử dụng nhân lực tại chỗ đối với các vùng khó khăn	0133	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh			Hàng năm	Số lượng công chức làm việc tại các đơn vị thuộc địa phương vùng khó khăn
1.3.4	Biệt phái công chức thống kê	0134	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2025	2030	- Số lượng công chức được cử biệt phái; - Đánh giá chất lượng công tác thống kê (cung cấp, phối hợp giữa Bộ, ngành với Tổng cục Thống kê) sau khi có công chức thống kê biệt phái.
1.4	Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng	014					

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.4.1	Nâng cấp hệ thống đào tạo, chương trình, nội dung, hình thức, cấp độ đào tạo, bồi dưỡng	0141	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2023	2030	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định thành lập Trường Đại học Thống kê;</li> <li>- Chương trình, tài liệu giảng dạy chương trình đại học;</li> <li>- Đổi mới hình thức đào tạo, bồi dưỡng (từ xa, trực tuyến);</li> <li>- Số lượng khóa đào tạo, bồi dưỡng;</li> <li>- Số khóa đào tạo, số lượng học viên được đào tạo, bồi dưỡng.</li> </ul>
1.4.2	Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho công chức, viên chức thuộc hệ thống thống kê tập trung	0142	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2021	2030	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chương trình, tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ sửa đổi được ban hành;</li> <li>- Đổi mới hình thức đào tạo, bồi dưỡng (từ xa, trực tuyến);</li> <li>- Số lượng khóa đào tạo, bồi dưỡng;</li> <li>- Số lượng học viên được đào tạo, bồi dưỡng theo tiêu ngạch, vị trí việc làm.</li> </ul>
1.4.3	Đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu khoa học thống kê và khoa học dữ liệu	0143	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2023	2030	Số lượng khóa đào tạo, bồi dưỡng; Số lượng học viên được đào tạo, bồi dưỡng
1.4.4	Xây dựng văn hóa học tập thường xuyên, liên tục trong hệ thống thống kê	0144	Bộ, ngành			Hàng năm	Chất lượng công chức, viên chức trong hệ thống thống kê được nâng cao.

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.4.5	Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho những người làm công tác thống kê tại Bộ, ngành và địa phương	0145	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2023	2030	- Số lượng khóa đào tạo, bồi dưỡng; - Số lượng học viên được đào tạo, bồi dưỡng theo tiểu ngạch, vị trí việc làm.
1.4.6	Hợp tác, liên kết trong công tác đào tạo, bồi dưỡng	0146	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh; các tổ chức khác		Hàng năm	- Số lượng khóa đào tạo, bồi dưỡng; - Số lượng học viên được đào tạo, bồi dưỡng.
2	<b>Xây dựng, hoàn thiện, ban hành và áp dụng các tiêu chuẩn, quy trình, mô hình thống kê</b>	02					
2.1	Xây dựng, hoàn thiện và ban hành đồng bộ các tiêu chuẩn thống kê	021					- Khung tiêu chuẩn chung; - Khung tiêu chuẩn chi tiết.
2.1.1	Nghiên cứu xây dựng khung chung về tiêu chuẩn thống kê	0211	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2022	2025	Khung chung về tiêu chuẩn thống kê
2.1.2	Rà soát các tiêu chuẩn thống kê hiện có	0212	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2022	2025	Báo cáo rà soát về các tiêu chuẩn thống kê hiện có
2.1.3	Xây dựng, chuẩn hóa các tiêu chuẩn theo tiêu chuẩn thống kê quốc tế và phù hợp với Việt Nam	0213	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2022	2025	Thông tư do Bộ trưởng Bộ KH&ĐT ban hành Tiêu chuẩn thống kê theo các lĩnh vực
2.2	Triển khai áp dụng thống nhất các tiêu chuẩn thống kê	022					



STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
2.2.1	Biên soạn tài liệu hướng dẫn các tiêu chuẩn thống kê	0221	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh		2025	Tài liệu hướng dẫn các tiêu chuẩn thống kê được ban hành
2.2.2	Công bố, phổ biến, xây dựng cơ sở dữ liệu và cập nhật các tiêu chuẩn thống kê	0222	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh		2025	Các tiêu chuẩn thống kê được công bố, phổ biến
2.2.3	Áp dụng thống nhất các tiêu chuẩn thống kê	0223	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2025	2030	Tiêu chuẩn thống kê được triển khai áp dụng thống nhất
2.3	Xây dựng, hoàn thiện và ban hành đồng bộ các quy trình sản xuất thông tin thống kê	023	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2022	2023	Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành: - Quy trình sản xuất thông tin thống kê (Quy trình chung và quy trình chi tiết); - Quy trình sản xuất thông tin thống kê theo từng nguồn dữ liệu/hình thức thu thập thông tin
2.4	Triển khai áp dụng thống nhất các quy trình sản xuất thông tin thống kê	024	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2024	2030	Các quy trình sản xuất thông tin thống kê được triển khai áp dụng thống nhất
2.5	Nghiên cứu, xây dựng, ban hành và áp dụng các mô hình thống kê hiện đại	025					

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
3.1.3	Tích hợp các cuộc điều tra và ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong tất cả các bước của quy trình điều tra	0313	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	2030	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng các cuộc điều tra trực tiếp được giảm thiểu;</li> <li>- Các hệ thống công nghệ thông tin phục vụ tất cả các bước của quy trình điều tra;</li> <li>- Các giải pháp thông minh (AI) hỗ trợ đối tượng cung cấp thông tin.</li> </ul>
3.1.4	Ứng dụng khoa học thống kê, khoa học dữ liệu để khai thác nguồn dữ liệu lớn, dữ liệu mới cho hoạt động thống kê	0314	Bộ, ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	2030	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) được biên soạn từ nguồn dữ liệu lớn;</li> <li>- Chỉ số giá bất động sản được biên soạn từ nguồn dữ liệu lớn;</li> <li>- Chỉ tiêu thống kê di cư nội địa được biên soạn từ nguồn dữ liệu điện thoại đi động;</li> <li>- Giải pháp sử dụng dữ liệu mở của cơ quan nhà nước phục vụ công tác thống kê.</li> </ul>
3.2	Hiện đại hóa hoạt động quản trị dữ liệu	032					

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
3.2.1	Quản trị dữ liệu theo hướng tập trung và mở	0321	Bộ, ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	2030	Hệ thống quản trị dữ liệu tiên tiến, hiện đại được thiết lập và đưa vào sử dụng, bảo đảm an toàn, an ninh dữ liệu: - Báo cáo đánh giá, xác định phạm vi, nội dung dữ liệu quản lý tập trung trong hệ thống thống kê nhà nước; - Báo cáo đánh giá và xác định danh mục dữ liệu mở phục vụ công tác thống kê...
3.2.2	Xây dựng Đề án Xây dựng Cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia	0322	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2022	2030	- Báo cáo khảo sát, đánh giá thực trạng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác thống kê tại bộ, ngành và địa phương; - Báo cáo đánh giá, xác định phạm vi, nội dung dữ liệu quản lý tập trung trong hệ thống thống kê nhà nước; - Quyết định phê duyệt Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia; - Kế hoạch triển khai Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia.

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
3.2.3	Xây dựng Trung tâm dữ liệu thống kê	0323	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2022	2025	Hình thành và vận hành cơ sở dữ liệu thống kê tập trung, thống nhất
3.2.4	Xây dựng cơ chế cung cấp, khai thác, chia sẻ dữ liệu thống kê của Trung tâm dữ liệu	0324	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành			- Quy chế, quy định cung cấp dữ liệu thống kê; - Quy chế, quy định khai thác, chia sẻ dữ liệu.
<b>4</b>	<b>Đổi mới hoạt động xác định nhu cầu, phân tích, dự báo, biên soạn và phổ biến thông tin thống kê</b>	<b>04</b>					
4.1	Đổi mới hoạt động xác định nhu cầu sử dụng thông tin thống kê	041					
4.1.1	Đổi mới và hiện đại hóa phương pháp xác định nhu cầu sử dụng thông tin thống kê	0411	Bộ, ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	2030	Phương pháp, hình thức và công cụ xác định nhu cầu sử dụng thông tin thống kê mới được áp dụng
4.2	Nâng cao chất lượng hoạt động phân tích và dự báo thống kê	042					
4.2.1	Nghiên cứu khung lý thuyết, mô hình, phương pháp, công cụ phân tích và dự báo thống kê tiên tiến, hiện đại	0421	Bộ, ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	2030	Khung lý thuyết, mô hình, phương pháp, công cụ phân tích và dự báo thống kê hiện đại được nghiên cứu và đề xuất áp dụng

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
4.2.2	Áp dụng khung lý thuyết, mô hình, phương pháp, công cụ phân tích và dự báo thống kê tiên tiến, hiện đại	0422	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	2030	Số báo cáo/chuyên đề phân tích và dự báo áp dụng khung lý thuyết, mô hình, phương pháp, công cụ phân tích và dự báo thống kê tiên tiến, hiện đại.
4.3	Đổi mới hoạt động biên soạn thông tin thống kê	043					
4.3.1	Đổi mới nội dung biên soạn thông tin thống kê	0431	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	2030	Số lượng sản phẩm thông tin thống kê được biên soạn từ phương pháp mới
4.3.2	Đổi mới hình thức và ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại vào hoạt động biên soạn thông tin thống kê	0432	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	2030	Hình thức và công cụ biên soạn thông tin thống kê mới được áp dụng
4.3.3	Biên soạn đầy đủ, chi tiết chỉ tiêu thuộc các hệ thống chỉ tiêu thống kê	0433	Bộ, ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	2030	Số lượng các chỉ tiêu thuộc các hệ thống chỉ tiêu thống kê được biên soạn đầy đủ chi tiết; - Năm 2025: 85% các chỉ tiêu thuộc các hệ thống chỉ tiêu thống kê được biên soạn và công bố theo tiêu chuẩn thống kê Việt Nam; - Năm 2030: 95%

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
4.3.4	Nâng cao chất lượng chỉ tiêu thống kê xã hội, môi trường và chỉ tiêu thống kê phản ánh năng suất, chất lượng, hiệu quả của nền kinh tế	0434	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2022	2030	Số lượng chỉ tiêu thống kê xã hội, môi trường và chỉ tiêu thống kê phản ánh năng suất, chất lượng, hiệu quả của nền kinh tế thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia được biên soạn và công bố đầy đủ các phân tử
4.4	Đổi mới hoạt động phổ biến thông tin thống kê	044					
4.4.1	Đa dạng hóa hình thức, nội dung công bố, cung cấp và phổ biến thông tin thống kê	0441	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	2030	Hình thức, nội dung công bố, cung cấp và phổ biến thông tin thống kê được đa dạng hóa
4.4.2	Xây dựng cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thống kê	0442	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh		2024	Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thống kê được vận hành
4.5	Đẩy mạnh công tác truyền thông nhằm nâng cao nhận thức vai trò, tầm quan trọng của thống kê	045					
4.5.1	Đa dạng hóa hình thức và phương tiện truyền thông về vai trò, tầm quan trọng của thống kê	0451	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế hoạch tuyên truyền;</li> <li>- Tài liệu tuyên truyền;</li> <li>- Các bài viết trên báo in, báo điện tử;</li> <li>- Các phóng sự, chuyên đề trên truyền hình, đài tiếng nói Việt Nam.</li> </ul>

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
4.5.2	Sử dụng các phương tiện truyền thông xã hội để phổ biến, giáo dục pháp luật về thống kê, kiến thức và kỹ năng sử dụng thông tin thống kê	0452	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2022	2030	Các tài khoản chính thức trên các phương tiện truyền thông xã hội; Các clip ngắn, các bài giảng về Luật Thống kê, về kiến thức và kỹ năng sử dụng thông tin thống kê
4.5.3	Tăng cường tương tác với người cung cấp và người sử dụng thông tin thống kê	0453	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2022	2030	-Số lần tương tác; -Ý kiến phản hồi; -Các tài liệu hướng dẫn.
<b>5</b>	<b>Đẩy nhanh tư liệu hóa, chuyển đổi số trong công tác thống kê</b>	<b>05</b>					
5.1	Nghiên cứu, đề xuất xây dựng sửa đổi quy chế, chính sách về công nghệ thông tin để đảm bảo thực hiện tư liệu hóa và chuyển đổi số trong công tác thống kê	051	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ Thông tin và Truyền thông	2022	2030	- Báo cáo tổng kết, đánh giá các quy chế, chính sách về công nghệ thông tin để đảm bảo thực hiện tư liệu hóa và chuyển đổi số trong công tác thống kê; - Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tư liệu hóa và chuyển đổi số trong hệ thống thống kê quốc gia; - Kế hoạch triển khai Đề án tư liệu hóa và chuyển đổi số trong hệ thống thống kê quốc gia.
5.2	Xây dựng cơ sở hạ tầng tạo nền tảng chuyển đổi số trong công tác thống kê	052					

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
5.2.1	Xây dựng cơ sở hạ tầng tạo nền tảng chuyển đổi số	0521	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ Thông tin và Truyền thông	2022	2030	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo đánh giá hạ tầng công nghệ thông tin tại hệ thống thống kê tập trung;</li> <li>- Báo cáo đánh giá hạ tầng công nghệ thông tin tại bộ, ngành và địa phương phục vụ công tác thống kê;</li> <li>- Báo cáo đánh giá về các nền tảng số phục vụ thu thập thông tin thống kê.</li> </ul>
5.2.2	Tập trung nghiên cứu, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, khoa học dữ liệu, dữ liệu lớn, điện toán đám mây, internet vạn vật, chuỗi khối... vào công tác thống kê	0522	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2022	2030	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phần mềm quản lý công việc;</li> <li>- Phần mềm quản lý họp, hội thảo;</li> <li>- Phần mềm quản lý đăng ký đi công tác;</li> <li>- Phần mềm quản lý Kiến nghị;</li> <li>- Phần mềm quản lý công tác cán bộ;</li> <li>- Phần mềm quản lý tài chính;</li> <li>- Phần mềm phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra;</li> <li>- Giải pháp ứng dụng trí tuệ nhân tạo, khoa học dữ liệu, dữ liệu lớn, điện toán đám mây, internet vạn vật, chuỗi khối... vào công tác thống kê.</li> </ul>
5.3	Tư liệu hóa công tác thống kê	053					



STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
5.3.1	Thực hiện thường xuyên, liên tục việc ghi chép, ghi nhận hoạt động trong lĩnh vực thống kê	0531	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2022	2030	- Kiến trúc tổng thể của Tổng cục Thống kê được cập nhật; - Cổng thông tin điện tử.
5.3.2	Chuẩn hóa, số hóa, lưu trữ và quản lý trên không gian mạng	0532	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2022	2030	- Quy trình hoạt động thống kê được chuẩn hóa; - Cơ sở dữ liệu về các tài liệu được số hóa; - Sách điện tử.
6	<b>Mở rộng, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động hợp tác quốc tế, thống kê nước ngoài trong công tác thống kê</b>	06					
6.1	Mở rộng, nâng cao chất lượng và hiệu quả hợp tác quốc tế	061					

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
6.1.1	Duy trì quan hệ hợp tác với các cơ quan thống kê, tổ chức quốc tế, đối tác phát triển; tăng cường hợp tác song phương, đa phương với các quốc gia có trình độ thống kê phát triển	0611	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2021	2030	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế hoạch hợp tác quốc tế hàng năm được ban hành;</li> <li>- Số lượng các cuộc họp xúc tiến hợp tác song phương và đa phương;</li> <li>- Số lượng các quốc gia có trình độ thống kê phát triển, tổ chức quốc tế, đối tác phát triển tài trợ/cung cấp hỗ trợ trên các lĩnh vực thống kê;</li> <li>- Số lượng đoàn/công chức Thống kê Việt Nam tham gia hội thảo quốc tế/học tập, trao đổi kinh nghiệm với các nước;</li> <li>- Số lượng các Hiệp định/Biên bản ghi nhớ/Thỏa thuận hợp tác song phương và đa phương được ký kết;</li> <li>- Số lượng các đoàn đối tác nước ngoài vào làm việc về thống kê.</li> </ul>

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
6.1.2	Tham gia tích cực, có trách nhiệm vào các hoạt động của thống kê Liên hợp quốc và khu vực	0612	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2021	2030	khóa đào tạo của Thống kê Liên hợp quốc và thống kê khu vực ASEAN được Tổng cục Thống kê tham gia Số người được cử tham gia các Ban chỉ đạo, Nhóm công tác của Thống kê Liên hợp quốc và thống kê khu vực; Số nhóm công tác và số lĩnh vực thống kê chuyên ngành mà Tổng cục Thống kê là thành viên hoặc tham gia;
6.1.3	Đẩy mạnh cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cho các quốc gia trong khu vực và trên thế giới	0613	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2021	2030	Số lượng các đoàn khảo sát được Tổng cục Thống kê tiếp nhận; Số lượng đoàn/công chức Thống kê Việt Nam đi giảng dạy, chia sẻ kinh nghiệm, cung cấp đào tạo thống kê cho các quốc gia trong khu vực và trên thế giới; Số lượng các khóa đào tạo thống kê được cung cấp bằng hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến;

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
6.1.4	Tăng cường nâng cao vị thế Thống kê Việt Nam trong cộng đồng thống kê khu vực và thế giới	0614	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2021	2030	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng các ấn phẩm quảng bá hình ảnh của Thống kê Việt Nam được phổ biến tới các nước và các tổ chức quốc tế;</li> <li>- Video clip giới thiệu Thống kê Việt Nam được trình chiếu tại các hội nghị, hội thảo, cuộc họp quốc tế trong và ngoài nước;</li> <li>- Số lượng hội nghị, hội thảo quốc tế về thống kê do TCTK VN đăng cai/phối hợp tổ chức.</li> </ul>
6.2	Nâng cao chất lượng công tác thống kê nước ngoài, đảm bảo so sánh quốc tế	062					
6.2.1	Đẩy mạnh biên soạn và phổ biến thông tin thống kê Việt Nam cho quốc tế	0621	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2021	2030	<p>Thông tin, bảng biểu số liệu thống kê của Việt Nam được biên soạn theo chuẩn mực chung của từng chương trình tham gia và phổ biến/cung cấp kịp thời, đầy đủ cho các đối tượng dùng tin quốc tế;</p> <p>Số lượng các chương trình thống kê khu vực và quốc tế được Tổng cục Thống kê/bộ, ngành cung cấp thông tin thống kê của Việt Nam.</p>

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
6.2.2	Thu thập, biên soạn, phổ biến số liệu và kiến thức thống kê của các nước và các Tổ chức quốc tế cho người dùng tin	0622	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2021	2030	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các báo cáo, bảng biểu số liệu thống kê, Niên giám Thống kê, các ấn phẩm thống kê được biên soạn và phổ biến/cung cấp kịp thời;</li> <li>- Các tài liệu về thống kê quốc tế được biên soạn và phổ biến/cung cấp kịp thời;</li> <li>- Số lượng tài liệu, báo cáo của các đoàn đi công tác nước ngoài được lưu trữ và sử dụng.</li> </ul>
6.2.3	Nghiên cứu, thu thập, phổ biến các đánh giá, xếp hạng và xu hướng phát triển hoạt động thống kê của các tổ chức quốc tế đối với Thống kê Việt Nam	0623	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2021	2030	<p>Nhận định, đánh giá, xếp hạng vị thế của thống kê Việt Nam của các tổ chức quốc tế trên các lĩnh vực thống kê được phổ biến rộng rãi trong Hệ thống Thống kê Việt Nam;</p> <p>Báo cáo/đề tài về xu hướng phát triển hoạt động thống kê được phổ biến rộng rãi trong Hệ thống Thống kê Việt Nam.</p>
6.3	Tăng cường vận động, sử dụng hiệu quả hỗ trợ kỹ thuật và tài chính từ các quốc gia và các tổ chức quốc tế cho việc thực hiện CLTK21-30	063	Bộ Kế hoạch và Đầu tư				

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
6.3.1	Huy động hỗ trợ kỹ thuật và tài chính từ các quốc gia và các tổ chức quốc tế cho việc thực hiện CLTK21-30	0631	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2021	2030	Số lượng các dự án, chương trình được ký kết, phê duyệt và triển khai thực hiện/Số lượng các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật cho ngành Thống kê/bộ, ngành.
6.3.2	Cập nhật và hoàn thiện Quy chế quản lý và thực hiện các chương trình, dự án của Tổng cục Thống kê có sử dụng nguồn tài trợ nước ngoài (viết gọn là Quy chế ODA) và Quy chế quản lý các hoạt động hợp tác quốc tế của Tổng cục Thống kê	0632	Bộ Kế hoạch và Đầu tư			2022	Quy chế ODA và Quy chế quản lý các hoạt động hợp tác quốc tế được ban hành và áp dụng thống nhất trong toàn ngành
6.3.3	Nâng cao trình độ, năng lực cho các công chức thực hiện và quản lý dự án	0633	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2022	2030	Số lượng công chức được cử tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn ngoại ngữ, quản lý, đấu thầu dự án,... và được cấp chứng chỉ
7	<b>Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo</b>	07					
7.1	Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học	071					
7.1.1	Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng phương pháp luận, chuẩn mực, quy trình thống kê tiên tiến	0711	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2022	2030	Số lượng đề tài/chuyên đề về phương pháp luận, chuẩn mực, quy trình thống kê tiên tiến được nghiệm thu và đưa vào ứng dụng trong thực tiễn công tác thống kê.

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
7.1.2	Nghiên cứu khoa học dữ liệu, dữ liệu mới	0712	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2022	2030	Số lượng đề tài/chuyên đề nghiên cứu về khoa học dữ liệu, dữ liệu mới được nghiệm thu và đưa vào ứng dụng trong thực tiễn công tác thống kê.
7.1.3	Nghiên cứu, áp dụng phương pháp đo lường các hiện tượng mới phát sinh	0713	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2022	2030	Số lượng đề tài/chuyên đề nghiên cứu về phương pháp đo lường các hiện tượng mới phát sinh được nghiệm thu và đưa vào ứng dụng trong thực tiễn công tác thống kê.
7.1.4	Nghiên cứu các chính sách, chiến lược, mô hình thống kê hiện đại và thực hành thống kê tốt	0714	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2022	2030	Số lượng đề tài/chuyên đề nghiên cứu về chính sách, chiến lược, mô hình thống kê hiện đại và thực hành thống kê tốt được nghiệm thu và đưa vào ứng dụng trong thực tiễn công tác thống kê.
7.2	Đẩy mạnh đổi mới sáng tạo	072					
7.2.1	Mở rộng các hoạt động hợp tác	0721	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2022	2030	Số lượng các hoạt động hợp tác trong nghiên cứu khoa học với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.
7.2.2	Hình thành mạng lưới các nhà khoa học, chuyên gia về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin và chuyển đổi số	0722	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2022	2030	Mạng lưới các nhà khoa học, chuyên gia về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin và chuyển đổi số được hình thành

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
8	<b>Tăng cường kiểm tra, giám sát, thanh tra chuyên ngành thống kê</b>	08					
8.1	Tăng cường kiểm tra, thanh tra việc cung cấp thông tin của các tổ chức, cá nhân; tập trung vào việc cung cấp dữ liệu hành chính của các cơ quan nhà nước	081	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh		Hàng năm	- Báo cáo kết quả thanh tra, kiểm tra; - Kết luận thanh tra; - Thông báo kết quả kiểm tra.
8.2	Đẩy mạnh kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước đã được cấp có thẩm quyền công bố	082	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh		Hàng năm	- Báo cáo kết quả kiểm tra; - Thông báo kết quả kiểm tra.
8.3	Tổ chức kiểm tra, giám sát việc tuân thủ Luật Thống kê, tiêu chuẩn, quy trình sản xuất thông tin thống kê của các cơ quan thống kê thuộc hệ thống thống kê tập trung, tổ chức thống kê bộ, ngành, hoạt động thống kê ở cấp xã, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập	083	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh		Hàng năm	- Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát; - Thông báo kết quả kiểm tra, giám sát.
9	<b>Tăng cường cơ sở vật chất và huy động các nguồn lực tài chính phục vụ công tác thống kê</b>	09					
9.1	Đảm bảo kinh phí thực hiện CLTK21-30	091					
9.1.1	Dự toán kinh phí thực hiện chiến lược	0911	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		Hàng năm	- Dự toán kinh phí thực hiện CLTK21-30 hàng năm được phê duyệt; - Kinh phí thực hiện CLPTTK được huy động và phê duyệt.



STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
9.1.2	Huy động nguồn vốn hợp pháp khác bổ sung kinh phí cho hoạt động thống kê nhà nước	0912	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		Hàng năm	Kinh phí thực hiện CLPTTK từ các nguồn khác được huy động và phê duyệt để thực hiện Chiến lược.
9.2	Tập trung xây dựng và phát triển hạ tầng số, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin trong công tác thống kê	092					
9.2.1	Xây dựng dự toán kinh phí Đề án tư liệu hóa và chuyển đổi số trong hệ thống thống kê quốc gia	0921	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2022	2030	Dự toán kinh phí hàng năm thực hiện các hoạt động hoặc nội dung của Đề án được phê duyệt.
9.2.2	Đảm bảo kinh phí thực hiện Đề án tư liệu hóa và chuyển đổi số trong hệ thống thống kê quốc gia	0922	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2022	2030	Kinh phí thực hiện Đề án hàng năm được phân bổ.
9.2.3	Xây dựng trụ sở làm việc cho các đơn vị thuộc hệ thống thống kê tập trung	0923	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2022	2030	Hoàn thành xây dựng trụ sở làm việc của hệ thống thống kê tập trung theo Kế hoạch đầu tư công trung hạn được phê duyệt.
9.3	Xây dựng trung tâm dữ liệu thống kê tập trung từ nguồn vốn đầu tư công	093			2022	2030	Trung tâm dữ liệu thống kê tập trung được xây dựng.
9.3.1	Xây dựng dự toán kinh phí Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia	0931	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2024	2030	Dự toán kinh phí hàng năm thực hiện các hoạt động hoặc nội dung của Đề án được phê duyệt.
9.3.2	Đảm bảo kinh phí thực hiện Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia	0932	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2024	2030	Kinh phí thực hiện Đề án hàng năm được phân bổ.
9.4	Hiện đại hóa cơ sở vật chất, phương tiện và trang thiết bị phục vụ công tác quản lý nhà nước về thống kê	094					

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
9.4.1	Xây dựng dự toán kinh phí Đề án tăng cường năng lực thống kê quốc gia (Phương tiện và trang thiết bị phục vụ công tác quản lý nhà nước về thống kê)	0941	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2024	2030	- Dự toán kinh phí hàng năm được phê duyệt; - Phương tiện và trang thiết bị làm việc được tăng cường.
9.4.2	Đảm bảo kinh phí thực hiện Đề án tăng cường năng lực thống kê quốc gia	0942	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2024	2030	Phương tiện và trang thiết bị làm việc được tăng cường
<b>II</b>	<b>CÁC HOẠT ĐỘNG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN, THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC</b>						
<b>10</b>	<b>Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện chiến lược và tổ chức Hội nghị triển khai thực hiện chiến lược</b>	<b>10</b>					
10.1	Thành lập, kiện toàn Ban chỉ đạo và Tổ thư ký giúp việc thực hiện CLTK21-30	101					
10.1.1	Thành lập, kiện toàn Ban chỉ đạo và Tổ thư ký giúp việc thực hiện CLTK21-30 cấp Trung ương	1011	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành		2022; 2025	Quyết định thành lập, kiện toàn Ban chỉ đạo và Tổ thư ký giúp việc thực hiện Chiến lược Trung ương
10.1.2	Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện chiến lược cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	1012	UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		Tháng 6/2022	Quyết định thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Chiến lược các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
10.2	Xây dựng, cập nhật Kế hoạch thực hiện CLTK21-30	102					

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
10.2.1	Xây dựng, cập nhật Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 chung	1021	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh		Tháng 3/2022; 2026	Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 chung được ban hành
10.2.2	Xây dựng, cập nhật Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 của bộ, ngành, UBND cấp tỉnh	1022	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		Tháng 6/2022; 2026	Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 của bộ, ngành, UBND cấp tỉnh được ban hành
10.3	Tổ chức Hội nghị triển khai kế hoạch thực hiện chiến lược	10.3					
10.3.1	Hội nghị triển khai kế hoạch thực hiện chiến lược cấp quốc gia	1031	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh		Tháng 6/2022	(01 hội nghị do Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì)
10.3.2	Hội nghị cấp Bộ, ngành do các Bộ, ngành chủ trì	1032	Bộ, ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		Tháng 6/2022	01 hội nghị do Bộ, ngành chủ trì
10.3.3	Hội nghị cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương do UBND cấp tỉnh chủ trì	1033	UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		Tháng 6/2022	01 hội nghị do UBND cấp tỉnh chủ trì
11	<b>Tổ chức theo dõi, đánh giá và tổng kết thực hiện Chiến lược</b>	11					
11.1	Xây dựng Khung theo dõi, đánh giá thực hiện CLTK21-30	111	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Tháng 3/2022	Tháng 6/2022	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Khung theo dõi, đánh giá thực hiện CLTK21-30

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
11.2	Biên soạn Tài liệu hướng dẫn theo dõi và đánh giá thực hiện CLTK21-30	112	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		Tháng 7/2022	Tháng 12/2022	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Tài liệu hướng dẫn theo dõi, đánh giá thực hiện CLTK21-30
11.3	Xây dựng phần mềm theo dõi thực hiện CLTK21-30	11.3					
11.3.1	Xây dựng phần mềm theo dõi thực hiện CLTK21-30	1131	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Tháng 01/2023	Tháng 6/2023	Phần mềm theo dõi thực hiện CLTK21-30 được xây dựng và triển khai áp dụng
11.3.2	Áp dụng phần mềm theo dõi thực hiện CLTK21-30	1132	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		Hàng năm	Kết quả thực hiện CLTK21-30 hàng năm được báo cáo trên phần mềm
11.4	Tổ chức theo dõi, đánh giá thực hiện CLTK21-30	11.4					
11.4.1	Theo dõi thường xuyên quá trình thực hiện CLTK21-30	1141	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh			Hàng năm	Báo cáo theo dõi thực hiện CLTK21-30 hàng năm
11.4.2	Xây dựng báo cáo về tình hình thực hiện CLTK21-30 trình TTCP	1142	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh		2023; 2027	Báo cáo tình hình thực hiện CLTK21-30 trình TTCP

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
11.4.3	Sơ kết thực hiện CLTK21-30	1143	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh		Tháng 9/2025	Tháng 03/2026	Báo cáo sơ kết của Bộ, ngành; địa phương (Từ Tháng 9-12/2025); Báo cáo sơ kết quốc gia (Tháng 03/2026); Hội nghị sơ kết thực hiện CLTK21-30 (Tháng 3/2026)
11.4.4	Tổng kết thực hiện CLTK21-30	1144	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh		Tháng 7/2030	Tháng 12/2030	Báo cáo tổng kết của Bộ, ngành; địa phương (Từ Tháng 7-10/2030); Báo cáo tổng kết quốc gia (Tháng 12/2030); Hội nghị tổng kết thực hiện CLTK21-30 (Tháng 12/2030)

Mẫu số 02/BN

BỘ .....



**Kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển thống kê Việt Nam  
giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045**

(Kèm theo Công văn số 2604/BKHĐT-TCTK ngày 20 tháng 4 năm 2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
I	<b>CÁC NHÓM NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP</b>						
1	<b>Hoàn thiện thể chế, đổi mới mô hình tổ chức, phát triển nguồn nhân lực</b>	01					
1.1	Hoàn thiện thể chế	011					
1.1.2	Xây dựng, sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Thống kê số 89/2015/QH13 và Luật số 01/2021/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê	0112	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh		2022	Các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến Luật Thống kê được xây dựng, sửa đổi và ban hành
1.1.2.6	Xây dựng, hoàn thiện các hệ thống chỉ tiêu thống kê bộ, ngành	01126	Bộ, ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	2025	Thông tư Hệ thống chỉ tiêu thống kê của các bộ, ngành được ban hành và đưa vào áp dụng
1.1.2.7	Xây dựng, hoàn thiện các bộ chỉ tiêu thống kê khác	01127	Bộ, ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	2030	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư được ban hành

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.1.2.8	Triển khai áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Thống kê số 89/2015/QH13 và Luật số 01/2021/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê	01128	Bộ, ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	2030	Các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Thống kê số 89/2015/QH13 và Luật số 01/2021/QH15 được triển khai, áp dụng thống nhất
1.3	Phát triển nguồn nhân lực	013					
1.3.1	Thu hút, trọng dụng nhân lực trình độ cao, chuyên nghiệp	0131	Bộ, ngành			Hàng năm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành tiêu chí, tiêu chuẩn nhân lực chất lượng cao;</li> <li>- Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành kế hoạch tuyển dụng, tiếp nhận nhân lực chất lượng cao.</li> </ul>
1.3.2	Tăng cường huy động và sử dụng các chuyên gia, nhà khoa học về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin	0132	Bộ, ngành			Hàng năm	<p>Chính sách, chế độ huy động và sử dụng các chuyên gia, nhà khoa học về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin;</p> <p>Số lượng chuyên gia nhà khoa học về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin được huy động từ bên ngoài tham gia vào các hoạt động thống kê</p>
1.3.3	Ưu tiên sử dụng nhân lực tại chỗ đối với các vùng khó khăn	0133	Bộ, ngành			Hàng năm	Số lượng công chức làm việc tại các đơn vị thuộc địa phương vùng khó khăn

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.4	Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực	014					
1.4.4	Xây dựng văn hóa học tập thường xuyên, liên tục trong hệ thống thống kê	0144	Bộ, ngành			Hàng năm	Chất lượng công chức, viên chức trong hệ thống thống kê được nâng cao.
1.4.5	Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho những người làm công tác thống kê tại Bộ, ngành và địa phương	0145	Bộ, ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2023	2030	- Số lượng khóa đào tạo, bồi dưỡng; - Số lượng học viên được đào tạo, bồi dưỡng theo tiểu ngạch, vị trí việc làm.
2	<b>Xây dựng, hoàn thiện, ban hành và áp dụng các tiêu chuẩn, quy trình, mô hình thống kê</b>	02					
2.2	Triển khai áp dụng thống nhất các tiêu chuẩn thống kê	022					
2.2.3	Áp dụng thống nhất các tiêu chuẩn thống kê	0223	Bộ, ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2025	2030	Tiêu chuẩn thống kê được triển khai áp dụng thống nhất
2.4	Triển khai áp dụng thống nhất các quy trình sản xuất thông tin thống kê	024	Bộ, ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2024	2030	Các quy trình sản xuất thông tin thống kê được triển khai áp dụng thống nhất
3	<b>Hiện đại hóa hoạt động thu thập, xử lý và quản trị dữ liệu</b>	03					
3.1	Hiện đại hóa hoạt động thu thập, xử lý dữ liệu	031					



STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
3.1.1	Tăng cường áp dụng phương pháp luận tiên tiến, hiện đại; đa dạng hóa hình thức và ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong hoạt động thu thập, xử lý dữ liệu thống kê	0311	Bộ, ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	2030	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các hệ thống CNTT phục vụ tất cả các bước thu thập, giám sát và xử lý thông tin thống kê;</li> <li>- Đến năm 2030, 100% các cuộc điều tra và tổng điều tra thống kê được thay thế phiếu điều tra giấy bằng phiếu điều tra điện tử.</li> </ul>
3.1.2	Ưu tiên sử dụng dữ liệu hành chính, dữ liệu sẵn có của các cơ quan quản lý nhà nước cho hoạt động thống kê	0312	Bộ, ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	2030	Số chỉ tiêu thống kê được sản xuất có sử dụng nguồn Dữ liệu hành chính
3.1.3	Tích hợp các cuộc điều tra và ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong tất cả các bước của quy trình điều tra	0313	Bộ, ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	2030	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng các cuộc điều tra trực tiếp được giảm thiểu;</li> <li>- Các hệ thống công nghệ thông tin phục vụ tất cả các bước của quy trình điều tra;</li> <li>- Các giải pháp thông minh (AI) hỗ trợ đối tượng cung cấp thông tin.</li> </ul>

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
3.1.4	Ứng dụng khoa học thống kê, khoa học dữ liệu để khai thác nguồn dữ liệu lớn, dữ liệu mới cho hoạt động thống kê	0314	Bộ, ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	2030	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) được biên soạn từ nguồn dữ liệu lớn;</li> <li>- Chỉ số giá bất động sản được biên soạn từ nguồn dữ liệu lớn;</li> <li>- Chỉ tiêu thống kê di cư nội địa được biên soạn từ nguồn dữ liệu điện thoại đi động;</li> <li>- Giải pháp sử dụng dữ liệu mở của cơ quan nhà nước phục vụ công tác thống kê.</li> </ul>
3.2	Hiện đại hóa hoạt động quản trị dữ liệu	032					
3.2.1	Quản trị dữ liệu theo hướng tập trung và mở	0321	Bộ, ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	2030	<p>Hệ thống quản trị dữ liệu tiên tiến, hiện đại được thiết lập và đưa vào sử dụng, bảo đảm an toàn, an ninh dữ liệu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo đánh giá, xác định phạm vi, nội dung dữ liệu quản lý tập trung trong hệ thống thống kê nhà nước;</li> <li>- Báo cáo đánh giá và xác định danh mục dữ liệu mở phục vụ công tác thống kê</li> </ul> <p>...</p>
4	<b>Đổi mới hoạt động xác định nhu cầu, phân tích, dự báo, biên soạn và phổ biến thông tin thống kê</b>	<b>04</b>					

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
4.1	Đổi mới hoạt động xác định nhu cầu sử dụng thông tin thống kê	041					
4.1.1	Đổi mới và hiện đại hóa phương pháp xác định nhu cầu sử dụng thông tin thống kê	0411	Bộ, ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	2030	Phương pháp, hình thức và công cụ xác định nhu cầu sử dụng thông tin thống kê mới được áp dụng
4.2	Nâng cao chất lượng hoạt động phân tích và dự báo thống kê	042					
4.2.1	Nghiên cứu khung lý thuyết, mô hình, phương pháp, công cụ phân tích và dự báo thống kê tiên tiến, hiện đại	0421	Bộ, ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	2030	Khung lý thuyết, mô hình, phương pháp, công cụ phân tích và dự báo thống kê hiện đại được nghiên cứu và đề xuất áp dụng
4.2.2	Áp dụng khung lý thuyết, mô hình, phương pháp, công cụ phân tích và dự báo thống kê tiên tiến, hiện đại	0422	Bộ, ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	2030	Số báo cáo/chuyên đề phân tích và dự báo áp dụng khung lý thuyết, mô hình, phương pháp, công cụ phân tích và dự báo thống kê tiên tiến, hiện đại.
4.3	Đổi mới hoạt động biên soạn thông tin thống kê	043					
4.3.1	Đổi mới nội dung biên soạn thông tin thống kê	0431	Bộ, ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	2030	Số lượng sản phẩm thông tin thống kê được biên soạn từ phương pháp mới
4.3.2	Đổi mới hình thức và ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại vào hoạt động biên soạn thông tin thống kê	0432	Bộ, ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	2030	Hình thức và công cụ biên soạn thông tin thống kê mới được áp dụng

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
4.3.3	Biên soạn đầy đủ, chi tiết chỉ tiêu thuộc các hệ thống chỉ tiêu thống kê	0433	Bộ, ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	2030	Số lượng các chỉ tiêu thuộc các hệ thống chỉ tiêu thống kê được biên soạn đầy đủ chi tiết; - Năm 2025: 85% các chỉ tiêu thuộc các hệ thống chỉ tiêu thống kê được biên soạn và công bố theo tiêu chuẩn thống kê Việt Nam; - Năm 2030: 95%
4.4	Đổi mới hoạt động phổ biến thông tin thống kê	044					
4.4.1	Đa dạng hóa hình thức, nội dung công bố, cung cấp và phổ biến thông tin thống kê	0441	Bộ, ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	2030	Hình thức, nội dung công bố, cung cấp và phổ biến thông tin thống kê được đa dạng hóa
9	<b>Tăng cường cơ sở vật chất và huy động các nguồn lực tài chính phục vụ công tác thống kê</b>	09					
9.1	Đảm bảo kinh phí thực hiện CLTK21-30	091					
9.1.1	Dự toán kinh phí thực hiện chiến lược	0911	Bộ, ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		Hàng năm	- Dự toán kinh phí thực hiện CLTK21-30 hàng năm được phê duyệt; - Kinh phí thực hiện CLPTTK được huy động và phê duyệt.

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
9.1.2	Huy động nguồn vốn hợp pháp khác bổ sung kinh phí cho hoạt động thống kê	0912	Bộ, ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		Hàng năm	Kinh phí thực hiện CLPTTK từ các nguồn khác được huy động và phê duyệt để thực hiện Chiến lược.
9.3	Xây dựng trung tâm dữ liệu thống kê tập trung từ nguồn vốn đầu tư công	093			2022	2030	Trung tâm dữ liệu thống kê tập trung được xây dựng
9.3.1	Xây dựng dự toán kinh phí Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia	0931	Bộ, ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2024	2030	Dự toán kinh phí hàng năm thực hiện các hoạt động hoặc nội dung của Đề án được phê duyệt.
9.3.2	Đảm bảo kinh phí thực hiện Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia	0932	Bộ, ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2024	2030	Kinh phí thực hiện Đề án hàng năm được phân bổ.
9.4	Hiện đại hóa cơ sở vật chất, phương tiện và trang thiết bị phục vụ công tác quản lý nhà nước về thống kê	094			2022	2030	
9.4.1	Xây dựng dự toán kinh phí Đề án tăng cường năng lực thống kê quốc gia (Phương tiện và trang thiết bị phục vụ công tác quản lý nhà nước về thống kê)	0941	Bộ, ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2024	2030	- Dự toán kinh phí hàng năm được phê duyệt; - Phương tiện và trang thiết bị làm việc được tăng cường.
9.4.2	Đảm bảo kinh phí thực hiện Đề án tăng cường năng lực thống kê quốc gia	0942	Bộ, ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2024	2030	Phương tiện và trang thiết bị làm việc được tăng cường

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
II	<b>CÁC HOẠT ĐỘNG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN, THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ CLTK21-30</b>						
10	<b>Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện chiến lược và tổ chức Hội nghị triển khai thực hiện chiến lược</b>	10					
10.2	Xây dựng, cập nhật Kế hoạch thực hiện CLTK21-30	102					
10.2.2	Xây dựng, cập nhật Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 của bộ ngành, địa phương	1022	Bộ, ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		Tháng 6/2022; 2026	Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 của bộ ngành, địa phương được ban hành
10.3	Tổ chức Hội nghị triển khai kế hoạch thực hiện chiến lược	103					
10.3.2	Hội nghị cấp Bộ, ngành do các Bộ, ngành chủ trì	1032	Bộ, ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		Tháng 6/2022	01 hội nghị do Bộ, ngành chủ trì
11	<b>Tổ chức theo dõi, đánh giá và tổng kết thực hiện Chiến lược</b>	11					
11.3	Xây dựng phần mềm theo dõi thực hiện CLTK21-30	113					
11.3.2	Áp dụng phần mềm theo dõi thực hiện CLTK21-30	1132	Bộ, ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		Hàng năm	Kết quả thực hiện CLTK21-30 hàng năm được báo cáo trên phần mềm

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
11.4	Tổ chức theo dõi, đánh giá thực hiện CLTK21-30	114					
11.4.1	Theo dõi thường xuyên quá trình thực hiện CLTK21-30	1141	Bộ, ngành			Hàng năm	Báo cáo theo dõi thực hiện CLTK21-30 hàng năm
11.4.3	Sơ kết thực hiện CLTK21-30	1143	Bộ, ngành		Tháng 9/2025	Tháng 12/2025	Báo cáo sơ kết của Bộ, ngành; địa phương (Từ Tháng 9-12/2025)
11.4.4	Tổng kết thực hiện CLTK21-30	1144	Bộ, ngành		Tháng 7/2030	Tháng 10/2030	Báo cáo tổng kết của Bộ, ngành; địa phương (Từ Tháng 7-10/2030)

Mẫu số 03/ĐP

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ



**Kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển thống kê Việt Nam  
giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045**

(Kèm theo Công văn số 2604/BKHĐT-TCTK ngày 20 tháng 4 năm 2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
<b>I</b>	<b>CÁC NHÓM NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP</b>						
1	<b>Hoàn thiện thể chế, đổi mới mô hình tổ chức, phát triển nguồn nhân lực</b>	01					
1.1	Hoàn thiện thể chế	011					
1.1.2	Xây dựng, sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Thống kê số 89/2015/QH13 và Luật số 01/2021/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê	0112	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh		2022	Các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến Luật Thống kê được xây dựng, sửa đổi và ban hành
1.1.2.8	Triển khai áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Thống kê số 89/2015/QH13 và Luật số 01/2021/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê	01128	UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	2030	Các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Thống kê số 89/2015/QH13 và Luật số 01/2021/QH15 được triển khai, áp dụng thống nhất
1.3	Phát triển nguồn nhân lực	013					



STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.3.1	Thu hút, trọng dụng nhân lực trình độ cao, chuyên nghiệp cho công tác thống kê	0131	UBND cấp tỉnh			Hàng năm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành tiêu chí, tiêu chuẩn nhân lực chất lượng cao;</li> <li>- Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành kế hoạch tuyển dụng, tiếp nhận nhân lực chất lượng cao.</li> </ul>
1.3.2	Tăng cường huy động và sử dụng các chuyên gia, nhà khoa học về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin	0132	UBND cấp tỉnh			Hàng năm	<p>Chính sách, chế độ huy động và sử dụng các chuyên gia, nhà khoa học về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin;</p> <p>Số lượng chuyên gia nhà khoa học về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin được huy động từ bên ngoài tham gia vào các hoạt động thống kê</p>
1.3.3	Ưu tiên sử dụng nhân lực tại chỗ[5] cho công tác thống kê đối với các vùng khó khăn	0133	UBND cấp tỉnh			Hàng năm	Số lượng công chức làm việc tại các đơn vị thuộc địa phương vùng khó khăn
1.4	Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực	014					

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.4.5	Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho những người làm công tác thống kê tại Bộ, ngành và địa phương	0145	UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2023	2030	- Số lượng khóa đào tạo, bồi dưỡng; - Số lượng học viên được đào tạo, bồi dưỡng theo tiểu ngạch, vị trí việc làm.
2	<b>Xây dựng, hoàn thiện, ban hành và áp dụng các tiêu chuẩn, quy trình, mô hình thống kê</b>	02					
2.2	Triển khai áp dụng thống nhất các tiêu chuẩn thống kê	022					
2.2.3	Áp dụng thống nhất các tiêu chuẩn thống kê	0223	UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2025	2030	Tiêu chuẩn thống kê được triển khai áp dụng thống nhất
2.4	Triển khai áp dụng thống nhất các quy trình sản xuất thông tin thống kê	024	UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2024	2030	Các quy trình sản xuất thông tin thống kê được triển khai áp dụng thống nhất
3	<b>Hiện đại hóa hoạt động thu thập, xử lý và quản trị dữ liệu</b>	03					
3.1	Hiện đại hóa hoạt động thu thập, xử lý dữ liệu	031					

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
3.1.1	Tăng cường áp dụng phương pháp luận tiên tiến, hiện đại; đa dạng hóa hình thức và ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong hoạt động thu thập, xử lý dữ liệu thống kê	0311	UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	2030	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các hệ thống CNTT phục vụ tất cả các bước thu thập, giám sát và xử lý thông tin thống kê;</li> <li>- Đến năm 2030, 100% các cuộc điều tra và tổng điều tra thống kê được thay thế phiếu điều tra giấy bằng phiếu điều tra điện tử.</li> </ul>
3.1.2	Ưu tiên sử dụng dữ liệu hành chính, dữ liệu sẵn có của các cơ quan quản lý nhà nước cho hoạt động thống kê	0312	UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	2030	Số chỉ tiêu thống kê được sản xuất có sử dụng nguồn Dữ liệu hành chính
3.1.3	Tích hợp các cuộc điều tra và ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong tất cả các bước của quy trình điều tra	0313	UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	2030	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng các cuộc điều tra trực tiếp được giảm thiểu;</li> <li>- Các hệ thống công nghệ thông tin phục vụ tất cả các bước của quy trình điều tra;</li> <li>- Các giải pháp thông minh (AI) hỗ trợ đối tượng cung cấp thông tin.</li> </ul>
4	<b>Đổi mới hoạt động xác định nhu cầu, phân tích, dự báo, biên soạn và phổ biến thông tin thống kê</b>	<b>04</b>					

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
4.2	Nâng cao chất lượng hoạt động phân tích và dự báo thống kê	042					
4.2.2	Áp dụng khung lý thuyết, mô hình, phương pháp, công cụ phân tích và dự báo thống kê tiên tiến, hiện đại	0422	UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	2030	Số báo cáo/chuyên đề phân tích và dự báo áp dụng khung lý thuyết, mô hình, phương pháp, công cụ phân tích và dự báo thống kê tiên tiến, hiện đại.
4.3	Đổi mới hoạt động biên soạn thông tin thống kê	043					
4.3.1	Đổi mới nội dung biên soạn thông tin thống kê	0431	UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	2030	Số lượng sản phẩm thông tin thống kê được biên soạn từ phương pháp mới
4.3.2	Đổi mới hình thức và ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại vào hoạt động biên soạn thông tin thống kê	0432	UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	2030	Hình thức và công cụ biên soạn thông tin thống kê mới được áp dụng
4.4	Đổi mới hoạt động phổ biến thông tin thống kê	044					
4.4.1	Đa dạng hóa hình thức, nội dung công bố, cung cấp và phổ biến thông tin thống kê	0441	UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	2030	Hình thức, nội dung công bố, cung cấp và phổ biến thông tin thống kê được đa dạng hóa
9	<b>Tăng cường cơ sở vật chất và huy động các nguồn lực tài chính phục vụ công tác thống kê</b>	09					
9.1	Đảm bảo kinh phí thực hiện CLTK21-30	091					

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
9.1.1	Dự toán kinh phí thực hiện chiến lược	0911	UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		Hàng năm	- Dự toán kinh phí thực hiện CLTK21-30 hàng năm được phê duyệt; - Kinh phí thực hiện CLPTTK được huy động và phê duyệt.
9.1.2	Huy động nguồn vốn hợp pháp khác bổ sung kinh phí cho hoạt động thống kê nhà nước	0912	UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		Hàng năm	Kinh phí thực hiện CLPTTK từ các nguồn khác được huy động và phê duyệt để thực hiện Chiến lược.
9.3	Xây dựng trung tâm dữ liệu thống kê tập trung từ nguồn vốn đầu tư công	093			2022	2030	Trung tâm dữ liệu thống kê tập trung được xây dựng
9.3.1	Xây dựng dự toán kinh phí Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia	0931	UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2024	2030	Dự toán kinh phí hàng năm thực hiện các hoạt động hoặc nội dung của Đề án được phê duyệt.
9.3.2	Đảm bảo kinh phí thực hiện Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia	0932	UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2024	2030	Kinh phí thực hiện Đề án hàng năm được phân bổ.
9.4	Hiện đại hóa cơ sở vật chất, phương tiện và trang thiết bị phục vụ công tác quản lý nhà nước về thống kê	094					
9.4.1	Xây dựng dự toán kinh phí Đề án tăng cường năng lực thống kê quốc gia (Phương tiện và trang thiết bị phục vụ công tác quản lý nhà nước về thống kê)	0941	UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2024	2030	- Dự toán kinh phí hàng năm được phê duyệt; - Phương tiện và trang thiết bị làm việc được tăng cường.

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
9.4.2	Đảm bảo kinh phí thực hiện Đề án tăng cường năng lực thống kê quốc gia	0942	UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2024	2030	Phương tiện và trang thiết bị làm việc được tăng cường
<b>II</b>	<b>CÁC HOẠT ĐỘNG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN, THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ CLTK21-30</b>						
<b>10</b>	<b>Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện chiến lược và tổ chức Hội nghị triển khai thực hiện chiến lược</b>	10					
10.1	Thành lập, kiện toàn Ban chỉ đạo và Tổ thư ký giúp việc thực hiện CLTK21-30	101					
10.1.2	Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện chiến lược cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	1012	UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		Tháng 6/2022	Quyết định thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Chiến lược các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
10.2	Xây dựng, cập nhật Kế hoạch thực hiện CLTK21-30	102					
10.2.2	Xây dựng, cập nhật Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 của địa phương	1022	UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		Tháng 6/2022; 2026	Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 của địa phương được ban hành
10.3	Tổ chức Hội nghị triển khai kế hoạch thực hiện chiến lược	103					

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
10.3.3	Hội nghị cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương do UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ trì	1033	UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		Tháng 6/2022	01 hội nghị do UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ trì
11	<b>Tổ chức theo dõi, đánh giá và tổng kết thực hiện Chiến lược</b>	11					
11.3	Xây dựng phần mềm theo dõi thực hiện CLTK21-30	113					
11.3.2	Áp dụng phần mềm theo dõi thực hiện CLTK21-30	1132	UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		Hàng năm	Kết quả thực hiện CLTK21-30 hàng năm được báo cáo trên phần mềm
11.4	Tổ chức theo dõi, đánh giá thực hiện CLTK21-30	114					
11.4.1	Theo dõi thường xuyên quá trình thực hiện CLTK21-30	1141	UBND cấp tỉnh			Hàng năm	Báo cáo theo dõi thực hiện CLTK21-30 hàng năm
11.4.3	Sơ kết thực hiện CLTK21-30	1143	UBND cấp tỉnh		Tháng 9/2025	Tháng 12/2025	Báo cáo sơ kết của địa phương (Từ Tháng 9-12/2025)
11.4.4	Tổng kết thực hiện CLTK21-30	1144	UBND cấp tỉnh		Tháng 7/2030	Tháng 10/2030	Báo cáo tổng kết của địa phương (Từ Tháng 7-10/2030)